

CHÍNH PHỦ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 20/2012/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2012

NGHỊ ĐỊNH
Quy định cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật thi hành án hình sự ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an,

Chính phủ ban hành Nghị định quy định cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về xây dựng, thu thập, lưu trữ, xử lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng (gọi chung là xây dựng, quản lý, sử dụng) cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong xây dựng, quản lý, sử dụng cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với cơ quan quản lý thi hành án hình sự, cơ quan thi hành án hình sự và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc xây dựng, quản lý, sử dụng cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự.

Điều 3. Nguyên tắc xây dựng, quản lý, sử dụng cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự

1. Tuân thủ Luật thi hành án hình sự, Nghị định này và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

2. Mọi thông tin liên quan đến việc thi hành án hình sự của người chấp hành án, chấp hành biện pháp tư pháp phải được thu thập đầy đủ, kịp thời, chính xác và quản lý, sử dụng theo đúng quy định của pháp luật.

3. Bảo đảm bí mật thông tin cá nhân của người chấp hành án, người chấp hành biện pháp tư pháp theo quy định của pháp luật.

Chương II

XÂY DỰNG, QUẢN LÝ, SỬ DỤNG CƠ SỞ DỮ LIỆU VỀ THI HÀNH ÁN HÌNH SỰ

Điều 4. Hệ thống cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự

1. Hệ thống cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự là tập hợp thông tin về tình hình, kết quả thi hành án hình sự và thông tin khác có liên quan đến người chấp hành bản án, quyết định của Tòa án về các hình phạt và biện pháp tư pháp.

2. Hệ thống cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự do Bộ Công an thống nhất quản lý là một bộ phận của hệ cơ sở dữ liệu quốc gia về thông tin phòng, chống tội phạm nhằm phục vụ công tác quản lý nhà nước về thi hành án hình sự.

3. Hệ thống cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự bao gồm:

- a) Hệ cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự trong Công an nhân dân;
- b) Hệ cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự trong Quân đội nhân dân.

Điều 5. Hệ cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự trong Công an nhân dân

1. Trung tâm cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an có chức năng xây dựng, quản lý, sử dụng hệ thống cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự trên phạm vi toàn quốc. Bộ trưởng Bộ Công an quy định cụ thể điều kiện bảo đảm cho tổ chức và hoạt động của Trung tâm cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an.

2. Cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự thuộc cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, trại giam, trại tạm giam có trách nhiệm:

a) Xây dựng, quản lý, sử dụng thông tin về thi hành án hình sự thuộc phạm vi quản lý;

b) Cung cấp thông tin về tình hình, kết quả thi hành án hình sự và thông tin khác có liên quan đến người chấp hành bản án, quyết định của Tòa án về các hình phạt và biện pháp tư pháp về Trung tâm cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an.

3. Bộ trưởng Bộ Công an quy định cụ thể về việc kết nối, cung cấp thông tin về thi hành án hình sự giữa cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự thuộc cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, trại giam, trại tạm giam với Trung tâm cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an.

Điều 6. Hệ cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự trong Quân đội nhân dân

1. Hệ cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự thuộc Bộ Quốc phòng có trách nhiệm:

a) Xây dựng, quản lý, sử dụng cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự trong Quân đội nhân dân;

b) Cung cấp thông tin về tình hình, kết quả thi hành án hình sự và thông tin khác có liên quan đến người chấp hành bản án, quyết định của Tòa án về các hình phạt và biện pháp tư pháp trong Quân đội nhân dân về Trung tâm cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an để xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự nhằm phục vụ công tác quản lý nhà nước về thi hành án hình sự.

Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn chi tiết thi hành việc kết nối, cung cấp thông tin về thi hành án hình sự giữa hệ cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự thuộc Bộ Quốc phòng với Trung tâm cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an.

2. Cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự thuộc cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu, trại giam, trại tạm giam trong Quân đội nhân dân có trách nhiệm:

a) Xây dựng, quản lý, sử dụng thông tin về thi hành án hình sự thuộc phạm vi quản lý;

b) Cung cấp thông tin về tình hình, kết quả thi hành án hình sự và thông tin khác có liên quan đến người chấp hành bản án, quyết định của Tòa án về các hình phạt và biện pháp tư pháp về cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự thuộc Bộ Quốc phòng.

3. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định cụ thể về việc kết nối, cung cấp thông tin về thi hành án hình sự giữa các cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự trong Quân đội nhân dân.

Điều 7. Thu thập thông tin về tình hình, kết quả thi hành án hình sự và thông tin khác có liên quan đến người chấp hành án, quyết định của Tòa án về các hình phạt và biện pháp tư pháp

1. Thông tin về tình hình, kết quả thi hành án hình sự trong cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự bao gồm:

- a) Số liệu về người chấp hành án, người chấp hành biện pháp tư pháp;
- b) Tình hình, kết quả thi hành án hình sự đối với người chấp hành án, chấp hành biện pháp tư pháp;
- c) Tình hình về cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật, nghiệp vụ phục vụ công tác thi hành án hình sự;
- d) Các thông tin khác có liên quan.

2. Thông tin cơ bản về người chấp hành án, người chấp hành biện pháp tư pháp trong cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự bao gồm:

- a) Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án hình sự;
- b) Lai lịch người chấp hành án, người chấp hành biện pháp tư pháp;
- c) Tóm tắt quá trình phạm tội;
- d) Tiền án;
- đ) Tiền sự;
- e) Nghĩa vụ dân sự trong bản án hình sự và việc thực hiện nghĩa vụ dân sự;
- g) Diễn biến quá trình chấp hành án, chấp hành biện pháp tư pháp bao gồm hoãn hoặc tạm đình chỉ chấp hành án; miễn, giảm thời hạn chấp hành án; đình chỉ thi hành biện pháp bắt buộc chữa bệnh; chấm dứt thời hạn chấp hành biện pháp tư pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn; hoãn chấp hành biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng; chấm dứt thời hạn chấp hành biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng; giải quyết trường hợp người chấp hành án, chấp hành biện pháp tư pháp bỏ trốn hoặc chết; kết quả chấp hành án, chấp hành biện pháp tư pháp và các thông tin khác có liên quan;
- h) Nơi về cư trú, làm việc sau khi chấp hành xong hình phạt, biện pháp tư pháp;
- i) Các thông tin khác có liên quan.

3. Các hình thức thu thập, cập nhật thông tin:

- a) Báo cáo định kỳ, báo cáo vụ việc, báo cáo chuyên đề về thi hành án hình sự và các số liệu thống kê theo mẫu theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;
- b) Hồ sơ người chấp hành án, người chấp hành biện pháp tư pháp;

c) Các cơ sở dữ liệu có liên quan;

d) Các hình thức khác.

Điều 8. Quản lý, bảo vệ hệ thống cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự

1. Hệ thống cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự là tài sản quốc gia phải được quản lý, bảo vệ chặt chẽ, an toàn theo quy định của pháp luật.

2. Cơ quan được giao quản lý cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự có trách nhiệm xây dựng các giải pháp kỹ thuật, quy trình nghiệp vụ, quy định về việc quản lý cơ sở dữ liệu, vận hành hệ thống, an ninh, an toàn thông tin, lưu giữ dữ liệu, kiểm tra hệ thống.

Điều 9. Khai thác và sử dụng hệ thống cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự

1. Các hình thức khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự bao gồm:

- a) Qua cổng thông tin điện tử;
- b) Qua mạng máy tính chuyên dùng;
- c) Bằng văn bản hoặc phiếu đề nghị cung cấp.

2. Đối tượng, phạm vi khai thác và sử dụng:

a) Các cơ quan tham gia xây dựng và duy trì cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự được quyền khai thác dữ liệu về thi hành án hình sự thuộc phạm vi quản lý của cơ quan mình. Việc khai thác cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự ngoài phạm vi quản lý phải được cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự có thẩm quyền phê duyệt;

b) Trường hợp các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có yêu cầu tra cứu, cung cấp thông tin, tài liệu lưu trữ về người chấp hành án, người chấp hành biện pháp tư pháp trong cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự thì phải tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước và lưu trữ quốc gia.

Điều 10. Trao đổi dữ liệu giữa hệ thống cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự và các cơ sở dữ liệu khác liên quan

1. Việc trao đổi dữ liệu giữa cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự và các cơ sở dữ liệu khác liên quan được thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Thông tin về người chấp hành án, người chấp hành biện pháp tư pháp thuộc hệ cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự được cung cấp cho hệ cơ sở dữ liệu về phòng, chống tội phạm để phục vụ công tác quản lý nhà nước về an ninh, trật tự và đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Điều 11. Kinh phí bảo đảm cho việc xây dựng, quản lý, sử dụng cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự

Kinh phí cho đầu tư, xây dựng, quản lý, sử dụng cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự do ngân sách nhà nước bảo đảm trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm giao cho Bộ Công an và Bộ Quốc phòng.

Chương III
TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC,
CÁ NHÂN TRONG XÂY DỰNG, QUẢN LÝ, SỬ DỤNG HỆ THỐNG
CƠ SỞ DỮ LIỆU VỀ THI HÀNH ÁN HÌNH SỰ

Điều 12. Trách nhiệm, quyền hạn của Bộ Công an

1. Bộ Công an giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về hệ thống cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự.
2. Nghiên cứu, đề xuất ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật về hệ thống cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự.
3. Xây dựng cơ sở vật chất, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cho việc xây dựng, quản lý, sử dụng hệ thống cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự.
4. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc xây dựng, quản lý, sử dụng cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự thống nhất trên phạm vi toàn quốc.
5. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Trách nhiệm, quyền hạn của Bộ Quốc phòng

Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm quản lý hệ cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự trong Quân đội nhân dân và có nhiệm vụ, quyền hạn sau:

1. Xây dựng, quản lý, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự thuộc Quân đội nhân dân.
2. Bảo đảm cơ sở vật chất, đào tạo cán bộ làm công tác tại các cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự thuộc Quân đội nhân dân.
3. Cung cấp dữ liệu về thi hành án hình sự trong Quân đội nhân dân về Trung tâm cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an để xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự nhằm phục vụ công tác quản lý nhà nước về thi hành án hình sự.
4. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Trách nhiệm, quyền hạn của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao chịu trách nhiệm phối hợp với Bộ Công an trong việc thực hiện quy định của pháp luật về xây dựng, quản lý, sử dụng hệ thống cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự.

Điều 15. Trách nhiệm, quyền hạn của Ủy ban nhân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Chỉ đạo các cơ quan, tổ chức tại địa phương phối hợp với cơ quan thi hành án hình sự thuộc Công an nhân dân, Quân đội nhân dân, các trại giam, trại tạm giam thực hiện quy định của pháp luật về xây dựng, quản lý, sử dụng hệ thống cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Trách nhiệm, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thu thập, cung cấp, sử dụng cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm cung cấp thông tin cho cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự khi được yêu cầu và chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin do mình cung cấp.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được cung cấp thông tin về thi hành án hình sự có trách nhiệm sử dụng thông tin đúng mục đích, không được cung cấp, để lộ thông tin cho bên thứ ba dưới bất kỳ hình thức nào và phải kịp thời thông báo cho cơ quan quản lý dữ liệu có thẩm quyền về những sai sót của dữ liệu được cung cấp.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 17. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2012.

Điều 18. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao có trách nhiệm tổ chức thực hiện và hướng dẫn, kiểm tra việc thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, NC (5b). XH **240**

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG



Nguyễn Tấn Dũng